

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 401/2025/TLST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 249/2025/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Lê Trọng H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số nhà C đường số F, Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số nhà C đường số F, Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH C, địa chỉ: Khu S, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, bản tự khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu trình bày:*

Hiện nay ông H liên hệ với B để thực hiện thủ tục điều chỉnh các thông tin bảo hiểm theo quy định. Quá trình thực hiện được B thông báo thời điểm từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2010 ông có làm việc tại Công ty TNHH C, công ty có thực hiện đóng bảo hiểm cho ông vào thời gian trên theo Sổ bảo hiểm số 7412236603.

Tuy nhiên, trên thực tế người ký kết và trực tiếp làm việc với Công ty TNHH C là Phạm Hữu T.

Do đó, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Lê Trọng H (do Phạm Hữu T là người ký kết) với Công ty TNHH C từ tháng 5/2009 đến tháng 5/2010 là vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C:* Quá trình tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập Công ty để làm việc, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty V không có lý do và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu T trình bày:* Ông và ông Lê Trọng H là anh em họ hàng, vào tháng 5/2009 đến tháng 5/2010 do chưa đủ tuổi lao động nên ông có mượn hồ sơ cá nhân của ông H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C, Công ty có thực hiện đóng Bảo hiểm cho ông với mã số Sổ bảo hiểm số 7412236603. Do không am hiểu pháp luật nên ông dùng thông tin của ông H để giao kết hợp đồng, không có mục đích gì khác. Do đó, hiện nay ông đồng ý với yêu cầu của ông H về việc tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa ông (lấy tên ông H) với Công ty TNHH C là vô hiệu, ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định; riêng Công ty TNHH C chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty TNHH C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bảo hiểm xã hội có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian tháng 5/2009 đến tháng 5/2010, giữa người lao động có tên Lê Trọng H (thực tế do Phạm Hữu T) và Công ty TNHH C có ký hợp đồng lao động, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7412236603, người thực tế làm theo hợp đồng lao động là ông T, do ông H cho ông T mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và làm việc.

Như vậy, việc ông T dùng giấy tờ cá nhân của ông H để giao kết hợp đồng lao động là vi phạm các quy định trong xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

Do đó, ông H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động Lê Trọng H (do ông Phạm Hữu T ký kết) với Công ty TNHH C vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, đương sự có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các vấn

đề bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: ông Lê Trọng H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Lê Trọng H.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa tên người lao động Lê Trọng H (do Phạm Hữu T ký kết) với Công ty TNHH C trong thời gian tháng 5/2009 đến tháng 5/2010 là vô hiệu.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động ông Lê Trọng H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0036835 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16–TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HOẠP**

Trần Thị Hoa Hạnh